TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2023
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Ái
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Thò Bá Tềnh
Bà Đặng Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Quang Lương Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị L Th D, sinh năm 1997 (Có đơn xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Bản N K, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh L V B, sinh năm 1994 (Có đơn xét xử vắng mặt).
HKTT: Bản N K, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Hiện đang chấp hành án tại đội 45, trại giam N T, xã N T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị L Th D trình bày:

- Về tình cảm: Chị L Th D và anh L V B tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2014. Chị D và anh B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 28 tháng 5 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh vào năm 2017, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do

anh B nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bản thân chị D và gia đình khuyên can rất nhiều lần nhưng anh B không chịu sửa chữa, ngày càng nghiện nặng hơn. Năm 2019 anh B đi cai nghiện bắt buộc, sau khi trở về địa phương, anh B vẫn không cai nghiện được, tiếp tục tái nghiện, chị D động viên anh B vì con mà tu chí làm ăn nhưng anh B không chịu sửa chữa. Vào tháng 3/2022 anh B đi làm ăn tại tỉnh Điện Biên bị công an bắt và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam N T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị D có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị D và anh B có 01 người con chung là cháu L B Q, sinh ngày 02/7/2014 hiện cháu đang sống với ông X C Th và bà L Th X (ông bà nội) tại bản P, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Do cuộc sống khó khăn, ở nhà không có việc làm, thu nhập không ổn định, không có tiền nuôi con nên chị D bàn bạc với bà Xoan, ông Thái cho cháu L B Q ở với ông bà, còn hàng tháng chị D gửi tiền về để ông bà nuôi dưỡng cháu, nên cháu L B Q chuyển về sinh sống với ông bà tại bản P, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An từ năm 2017. Chị D đi làm ăn xa nhưng thường xuyên về nhà thăm cháu, thường xuyên gọi điện nhắc nhở cháu chuyện học hành. Anh B hiện đang đi chấp hành án tại trại giam N T, tỉnh Điện Biên, bản thân anh B nghiện ma túy không có thu nhập nên không đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q. Bản thân chị D có thu nhập ổn định, cháu chủ yếu cũng do chị D nuôi dưỡng hàng ngày, cháu Q cũng có nguyện vọng ở với chị D. Vì vậy nếu ly hôn đặt ra chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 10 năm 2023 anh L V B trình bày:

Tình cảm: Anh B và chị L Th D tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2014. Anh B và chị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 28 tháng 5 năm 2018 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh B và chị D sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng vì hoàn cảnh gia đình vào năm 2017 anh B đi làm bên Cambodia thì chị D ở nhà đã không chung thủy, nhưng vì gia đình êm ấm nên anh vẫn đi làm và gửi tiền về nhà. Sau khi anh đi làm về thì chị D vẫn không thay đổi thường xuyên liên lạc hẹn hò, anh B bắt gặp nhưng vì yêu vợ yêu con nên anh B bỏ qua, đến năm 2018 chị D gợi ý muốn đi làm ăn xa và anh cũng đồng ý, hai vợ chồng cũng nhau đi làm. Chị D không thay đổi nên anh chán, lao vào con đường nghiện ma túy, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng nhiều nên quyết định sống ly thân với nhau. Nay chị D có nguyện vọng ly hôn thì anh B đồng ý.

Về con chung: Anh B và chị D có 01 con chung tên cháu là L B Q, sinh ngày 02/7/2014, hiện nay cháu đang sống với ông bà nội L Th X và ông X C Th tại bản P, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Mặc dù hiện nay anh B đang chấp

hành án nhưng anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Vì vậy nếu ly hôn anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L B Q. Về cấp dưỡng: Anh B và chị D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kết quả xác minh tại địa phương thì anh L V B có hộ khẩu thường trú tại bản N K, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An có vợ là chị L Th D và có 01 con chung là cháu L B Q, sinh ngày 02/7/2014, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Cháu Q sống với ông X C Th và bà L Th X tại bản P, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Anh B hiện đang chấp hành án tại trại giam N T, xã N T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Bản tự khai ông X C Th (bố dượng anh L V B): Ông Thái kết hôn với bà L Th X, sinh năm 1974 vào năm 2016. Sau khi kết hôn thì bà Xoan chuyển hộ khẩu ở bản N K, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An đến bản P, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Bà Xoan có con trai tên là L V B, sinh năm 1994 và con dâu L Th D, sinh năm 1997. Vào năm 2017, anh B và chị D đi làm ăn xa thì cháu L B Q con chung của anh B và chị D chuyển về sinh sống với vợ chồng ông Thái. Anh B nghiện ma túy, vào năm 2018 anh B đi cai nghiện bắt buộc, cháu Q chủ yếu là chị D gửi tiền về chăm sóc nuôi dưỡng. Do cuộc sống khó khăn nên chị D phải đi làm ăn xa, gửi cháu Q cho cho vợ chồng ông chăm sóc, tuy nhiên tiền ăn học, tiền sữa hàng tháng đều do chị D gửi tiền về. Chị D thường xuyên gọi điện thăm nom chăm sóc cháu, dặn dò cháu từng tý một. Bản thân cháu Q cũng có nguyện vọng ở với chị D. Vì vậy, nếu chị D và anh B ly hôn thì ông Thái và bà Xoan đồng ý cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi cháu trưởng thành.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh B, chị D có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Kết thúc phiên họp Tòa án đã tống đạt hợp lệ kết quả cho anh B nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi từ anh B nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị L Th D cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị L Th D được ly hôn với anh L V B; Con Chung: giao cháu L B Q, sinh ngày 02/7/2014 cho chị L Th D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tạm hoãn

việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B; Tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Chị D chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L V B có hộ khẩu thường trú tại bản N K, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị L Th D và bị đơn anh L V B thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị D và anh B kết hôn với nhau vào năm 2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 24/2018 ngày 28/5/2018 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị D và anh B có nhiều mâu thuẫn, anh B nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị D và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Chị D và anh B có 01 con chung là cháu L B Q, sinh ngày 02/7/2014, khi ly hôn chị L Th D và anh L V B đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L B Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu L B Q hiện nay đang sinh sống với ông X C Th, bà L Th X, tuy nhiên chị D là người gửi tiền cho ông Thái, bà Xoan để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, chị D cũng thường xuyên gọi điện, thăm nom chăm sóc cháu, hiện anh L V B đang phải chấp hành án tại đội 45, trại giam N T, xã N T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, mặt khác cháu Q có nguyện vọng sống với chị D. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu L B Q, sinh ngày 02/7/2014 cho chị L Th D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, trưởng thành, chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con

nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị L Th D và anh L V B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị L Th D được ly hôn với anh L V B.

2. Con chung:

+ Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu L B Q, sinh ngày 02/7/2014 cho chị L Th D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B;

- Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Buộc chị L Th D phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0005135 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.T D;
- Cơ quan THADS H.T D;
- Các đương sự;
- UBND xã Ng M;
- Lưu Vp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Thị Ái